

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2024/DS-PT
Ngày: 25/12/2024
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hạng

Bà Lương Ngọc Yến Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 25 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 87/2024/TLPT-DS ngày 19 tháng 8 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do có kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị P đối với Bản án số: 47/2024/DS-ST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số : 131/2024/QĐXXPT-DS ngày 29/11/2024 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị P, sinh năm: 1962

Địa chỉ: Số A đường Đ, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1991; địa chỉ: Số A đường N, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm: 1950

Địa chỉ: Thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đặng Đình L1, sinh năm 1963. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị R, sinh năm: 1967. Có mặt.

3. Ông Hồ B, sinh năm: 1963. Có mặt.

4. Bà Hồ Thị Đ, sinh năm: 1983. Có mặt.

5. Bà Hồ Thị L2, sinh năm: 1976. Có mặt.

6. Bà Hồ Thị D, sinh năm: 1979. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

7. Bà Hồ Thị H, sinh năm: 1974; địa chỉ: Tổ B T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

8. Ông Hoàng Duy A, sinh năm: 1988. Có mặt.

9. Ông Hoàng Xuân L3, sinh năm: 1960. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số A đường Đ, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

10. Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N; địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

Những người làm chứng:

1. Ông Phạm Văn L4, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Nhân T1, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

3. Ông Trần Kim A1, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

4. Ông Phạm Văn P1, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

5. Ông Hoàng Công T2, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn H, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

6. Ông Võ D1; địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Bùi Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Thị P trình bày:

Ngày 15/5/2018, bà và con trai là Hoàng Duy A nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích khoảng 50.000m² của anh em ông Hồ B, bà Hồ Thị H, bà Hồ Thị L2, bà Hồ Thị D và bà Hồ Thị Đ (là những người con của ông Hồ T3) tại khu vực đèo R thuộc thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa với giá 1.600.000.000 đồng. Nguồn gốc đất là của ông Hồ T3 khai hoang, có đăng ký tại UBND xã N nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại thời điểm chuyển nhượng, trên đất đã có cây bạch đàn do gia đình ông Hồ Bình T4, một số cây xà cừ ven đường do bà R trồng. Sau khi nhận chuyển nhượng, bà trồng thêm cây keo. Trước khi giao tiền và giao đất, các anh chị em của ông Hồ B đã phát dọn ranh giới, chỉ vị trí đất. Khi đó, bà không biết diện tích đất chuyển nhượng thuộc thửa đất số mấy, tờ bản đồ nào. Sau khi tìm hiểu,

bà biết được diện tích hiện trạng nhận chuyển nhượng của anh chị em ông Hồ B thuộc thửa đất số 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 10, 11, 12, tờ bản đồ số 1, bản đồ Lâm nghiệp xã N

Theo Mảnh trích địa chính do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại thị xã N lập thì phần đất tranh chấp với bị đơn có diện tích 9.646m², trong đó có 9.422m² thuộc thửa số 2, có 224m² thuộc thửa số 8 và 2m² thuộc thửa số 9. Diện tích lấn chiếm thuộc thửa số 8 và số 9 không đáng kể nên bà không yêu cầu, bà chỉ yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất lấn chiếm 9.422m² thuộc thửa số 2 tờ bản đồ số 25; bà đồng ý trả lại cây xà cừ do bà R trồng trên đất tranh chấp.

Bị đơn bà Lê Thị L trình bày:

Phần đất mà bà Bùi Thị P tranh chấp với bà nằm trong phần đất bà nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông Đặng Đình L1 và bà Nguyễn Thị R bằng giấy viết tay vào ngày 18/9/2006, có xác nhận của ông Nguyễn Nhân T1 là Phó thôn T, xã N, giá chuyển nhượng 50.000.000 đồng, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi đó, hai bên không tiến hành đo đạc hiện trạng, chỉ ước chừng khoảng 35.000m²; trên đất có bạch đàn, xà cừ và keo do vợ chồng bà R trồng từ trước; vì cơn bão năm 2017 làm gãy đổ nhiều cây nên sau khi nhận chuyển nhượng, bà có trồng lại cây keo. Sau khi nhận chuyển nhượng, bà để bà R tiếp tục sử dụng đất một thời gian, sau đó, bà mới lấy lại đất. Như vậy, đất là cây trồng trên đất là của bà nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị P.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ông Hoàng Duy A trình bày: Ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện và toàn bộ trình bày của bà P, đề nghị bị đơn trả lại diện tích đất lấn chiếm theo yêu cầu của bà P.

- Ông Hoàng Xuân L3 trình bày: Ông là chồng bà Bùi Thị P. Năm 2018, bà P cùng con trai Hoàng Duy A nhận chuyển nhượng đất của gia đình ông Hồ B khoảng 50.000m² tại khu vực đèo R, xã N Tiền nhận chuyển nhượng đất là của vợ chồng ông và con trai Hoàng Duy A. Ông thống nhất yêu cầu khởi kiện của bà P.

- Ông Hồ B trình bày: Đất bà P đang tranh chấp với bà L là của anh em ông chuyển nhượng cho bà P. Đất do ông Hồ T3 (cha ông) khai hoang, có đăng ký tại UBND xã N nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận để lại cho các con (cha ông chết năm 2009). Năm 2018, anh em ông chuyển nhượng cho bà Bùi Thị P và ông Hoàng Duy A. Khi chuyển nhượng, các bên không đo đạc lại đất nhưng ông trực tiếp chỉ ranh và vị trí đất cho bà P. Trên đất có cây bạch đàn do cha ông trồng từ trước, trồng một lần và chặt thu hoạch vài lần, còn cây xà cừ do bà R trồng ven đường. Sau khi nhận chuyển nhượng, bà P trồng thêm cây keo. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà P, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Bà Hồ Thị Đ, bà Hồ Thị L2 trình bày: Các bà thống nhất với trình bày của ông Hồ B về nguồn gốc đất và việc chuyển nhượng đất cho bà P. Tại thời

điểm chuyển nhượng, ông B chỉ ranh cho bên nhận chuyển nhượng, còn cây trồng trên đất chỉ có cây bạch đàn. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà P, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Bà Hồ Thị H trình bày: Tháng 5/2018 gia đình bà gồm 5 anh chị em đã thống nhất bán mảnh đất rẫy ở đèo R cho bà Bùi Thị P. Giấy mua bán và các loại giấy tờ bản vẽ đã bàn giao đầy đủ cho bên mua. Việc tranh chấp giữa bà P với bà R và bà L, bà không có ý kiến gì và xin được vắng mặt.

- Bà Hồ Thị D trình bày: Phần đất bà P đang tranh chấp với bà L là của bà Nguyễn Thị R khai hoang, sử dụng và trồng cây bạch đàn, keo và xà cừ, sau đó chuyển nhượng lại cho bà Lê Thị L. Trước đây, cha mẹ bà khai hoang phần đất giáp ranh với đất bà L, trên đất có trồng cây bạch đàn, sau khi cha mẹ chết thì anh em bà chuyển nhượng lại cho bà P. Diện tích đất đang tranh chấp không phải của gia đình bà mà là của bà L. Vì vậy, bà P yêu cầu bà L trả lại diện tích đất đang tranh chấp là không đúng.

- Bà Nguyễn Thị R trình bày: Năm 2001, bà và chồng bà là ông Đặng Đình L1 khai hoang diện tích đất tại khu vực đèo R giáp ranh hai xã N và Ninh Ích . Năm 2006, vợ chồng bà chuyển nhượng cho bà L diện tích đất khoảng 35.000m² (khi chuyển nhượng không tiến hành đo đạc lại mà chỉ ước chừng), trong đó, có phần diện tích đất bà P đang tranh chấp với bà L. Việc chuyển nhượng chỉ viết giấy tay, không có công chứng, chứng thực vì đất chưa được cấp giấy chứng nhận nhưng có ông Nguyễn Nhân T1 là Phó thôn T, xã N xác nhận. Trên đất chuyển nhượng có cây bạch đàn, keo và xà cừ do vợ chồng bà trồng. Sau khi nhận chuyển nhượng, bà L để cho bà sử dụng một thời gian, sau đó, bà trả lại đất cho bà L sử dụng và bà L trồng thêm cây keo.

- Ông Đặng Đình L1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin vắng mặt vì lý do sức khỏe, do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông L1.

- Ủy ban nhân dân xã N trình bày: Thửa đất số 2, tờ bản đồ 25 (tờ số 1 bản đồ Lâm nghiệp) theo Sổ mục kê xã N lập năm 1997 thì chủ sử dụng đất là UBND xã N nhưng thực tế thửa đất này do gia đình bà Nguyễn Thị R khai hoang, sử dụng ổn định. Đến năm 2006, bà R chuyển nhượng cho bà Lê Thị L, bà L sử dụng từ đó cho đến nay. Diện tích thửa số 2 theo sổ mục kê là 34.138m², hiện trạng trên đất trồng cây bạch đàn, keo, xà cừ. UBND xã N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Những người làm chứng trình bày:

- Ông Nguyễn Nhân T1 trình bày:

Ngày 18/9/2006, vợ chồng bà Nguyễn Thị R chuyển nhượng cho bà Lê Thị L đất tại thôn P, xã N Khi đó, ông là Phó thôn T, xã N và gia đình ông sử dụng đất rẫy gần với đất của bà R nên ông biết rõ nguồn gốc đất chuyển nhượng giữa vợ chồng bà R với bà L, do đó, ông đã ký xác nhận vào “Giấy bán đất”. Trước đây là đất hoang, sau khi vợ chồng bà R khai hoang, sử dụng một thời gian, đến năm 2006 thì chuyển nhượng lại cho bà L.

- Ông Trần Kim A1 trình bày: Trước đây, ông sử dụng đất rừng giáp ranh thửa đất của bà Nguyễn Thị R ở khu vực đèo R, gần bãi rác N Sau đó, bà R chuyển nhượng lại cho người khác thì bà R nhờ ông ký xác nhận vào giấy bán đất. Ông không nhớ giấy bán đất ký năm nào, không biết đất thuộc thửa số mấy, tờ bản đồ nào nhưng ông biết đó không phải là đất của gia đình ông Hồ B.

- Ông Phạm Văn L4 trình bày: Trước đây ông sử dụng đất rừng giáp ranh thửa đất của bà Nguyễn Thị R ở khu vực đèo R, gần bãi rác N Bà R khai hoang trước năm 2000, đến năm 2006, chuyển nhượng lại cho bà L. Vì ông biết nguồn gốc đất này và biết việc chuyển nhượng giữa bà R và bà L nên ký xác nhận người làm chứng, trên đất lúc đó đã có cây keo, xà cừ, bạch đàn. Ông biết vị trí đất bà P đang tranh chấp với bà L, diện tích đất này không phải là đất của gia đình ông Hồ B.

- Ông Phạm Văn P1 trình bày: Ông có mối quan hệ họ hàng với anh em ông Hồ B. Năm 2018, khi anh em ông B chuyển nhượng đất tại thôn P, xã N, thị xã N cho bà Bùi Thị P và ông Hoàng Duy A, ông chỉ chứng kiến việc hai bên chuyển nhượng đất, anh em ông B chỉ đất theo tờ bản đồ và thỏa thuận giá chuyển nhượng là 1.600.000.000 đồng. Ông không chứng kiến việc hai bên chỉ ranh giới theo hiện trạng và nhận tiền như thế nào, không biết đất thuộc thửa đất nào, tờ bản đồ bao nhiêu, chỉ thấy ông B đưa tờ bản đồ và chỉ đất theo tờ bản đồ đó, phần diện tích đất bà P đang tranh chấp với bà L thì ông không biết của ai.

- Ông Hoàng Công T2 trình bày: Ông không có mối quan hệ gì với anh em ông B và bà P. Ông có đất rẫy gần với đất của anh em ông B. Năm 2018, anh em ông B chuyển nhượng đất cho bà P và ông A, ông chứng kiến ông B chỉ đất theo tờ bản đồ, ông không biết giá chuyển nhượng bao nhiêu. Khi ông B chỉ ranh thì chỉ phần diện tích đất hiện tại đang tranh chấp cho bà P, còn nguồn gốc của ai thì ông không biết.

Bản án sơ thẩm số: 47/2024/DS-ST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa đã căn cứ Điều 166, 170, 203 Luật Đất đai năm 2013, quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị P về việc buộc bị đơn bà Lê Thị L trả lại diện tích đất lấn chiếm 9.422m² thuộc thửa đất số 2, tờ bản đồ 25 (tờ số 1 bản đồ Lâm nghiệp) tại thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự;

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, nguyên đơn bà Bùi Thị P có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ B, bà Hồ Thị Đ, bà Hồ Thị L2, bà Hồ Thị H và ông Hoàng Duy A đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn. Bị đơn bà Lê Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị R, bà Hồ Thị D đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa phát biểu: Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phần đất nguyên đơn tranh chấp yêu cầu bị đơn trả lại có diện tích 9.422m² thuộc một phần thửa đất số 02, tờ bản đồ 25 (tờ số 1 bản đồ lâm nghiệp) tọa lạc tại thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa theo Mảnh trích đo địa chính kèm theo bản án. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; nguyên đơn không tranh chấp 2m² đất nằm trong thửa đất số 9 và 224m² nằm trong thửa đất số 8, tờ bản đồ 25. Theo Sổ mục kê đất lưu tại UBND xã N, chủ sử dụng thửa đất số 02, tờ bản đồ 25 là UBND xã N nhưng thực tế, theo thông tin do UBND xã N cung cấp thì thửa đất do gia đình bà Nguyễn Thị R khai hoang, sử dụng ổn định và năm 2006, chuyển nhượng cho bà Lê Thị L.

[2] Nguyên đơn bà Bùi Thị P cho rằng phần đất tranh chấp là của bà và con trai bà là Hoàng Duy A căn cứ vào Giấy chuyển nhượng đất đề ngày 15/5/2018 (không có công chứng, chứng thực) giữa bên chuyển nhượng là anh em ông Hồ B với bên nhận chuyển nhượng là bà P và ông Hoàng Duy A và giấy tờ đất mà ông Hồ B đưa cho bà để xác định nguồn gốc đất là của ông Hồ T3 (cha ông H) khai hoang và để lại cho các con gồm: (i) Sơ đồ xin trưng rẫy trồng bạch đàn của ông Hồ T3 có xác nhận của UBND xã N (không đề ngày tháng năm), (ii) Đơn xin hợp thức hóa đất khai hoang của ông Hồ T3 đề ngày 10/9/1994 có xác nhận của UBND xã N và (iii) Biểu kê khai diện tích đất khai hoang do ông Hồ Trạc K có xác nhận của UBND xã N (không đề ngày tháng năm). Tuy nhiên, các giấy tờ đất trên không thể hiện phần đất ông Hồ T3 xin làm rẫy nằm ở thửa đất số mấy, tờ bản đồ nào và diện tích cụ thể mà ông Hồ T3 thực tế đã khai hoang là bao nhiêu, nằm ở đâu. Tại Biên bản xác minh ngày 17/10/2024, UBND xã N cho biết không xác định được thời điểm UBND xã N xác nhận vào Sơ đồ xin trưng rẫy trồng bạch đàn của ông Hồ T3 do nét mực quá mờ, Sơ đồ được vẽ bằng tay, các vị trí không chính xác nên không thể xác định được vị trí đất tranh chấp theo Mảnh trích đo địa chính so với Sơ đồ trên. Ngoài ra, tại thời điểm chuyển nhượng đất, các bên không tiến hành kiểm tra, đo đạc lại đất, bà P và ông B xác định là mua bán đất theo Sơ đồ xin trưng rẫy trồng bạch đàn của ông Hồ T3 nhưng chính bà P khai tại phiên tòa phúc thẩm là không biết đất chuyển nhượng trên thực tế có đúng như tại Sơ đồ trên không. Như vậy, những tài liệu về đất do nguyên đơn cung cấp không đủ căn cứ xác định đất tranh chấp nằm trong phần đất do ông Hồ T3 khai hoang.

[3] Trong khi đó, bà Lê Thị L và bà Nguyễn Thị R xác định toàn bộ đất tranh chấp nằm trong phần đất do vợ chồng bà R khai hoang và sau đó, chuyển nhượng cho bà Lê Thị L vào năm 2006, khi chuyển nhượng trên đất có cây bạch đàn, cây keo và dọc theo đường đất có hàng cây xà cừ đều do vợ chồng bà R trồng.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Biểu kê khai diện tích đất khai hoang do ông Hồ Trạc K và Đơn xin hợp thức hóa đất khai hoang của ông Hồ T3 ghi rõ việc trên đất khai hoang, ông Hồ T3 trồng bạch đàn. Tất cả những người con của ông Hồ T3 là ông Hồ B, bà Hồ Thị H, bà Hồ Thị L2, bà Hồ Thị D và bà Hồ Thị Đ đều xác định sau khi khai hoang đất, ông Hồ T3 chỉ trồng cây bạch đàn, sau khi ông T3 chết vào năm 2009 cho đến khi chuyển nhượng đất cho bà P vào năm 2018, các con ông không trồng cây gì thêm. Bà Bùi Thị P cũng xác định khi bà nhận chuyển nhượng, trên đất chỉ có cây bạch đàn và một số cây xà cừ do bà R trồng ven đường, sau khi nhận chuyển nhượng, bà P trồng thêm cây keo. Trong khi đó, theo Biên bản định giá ngày 06/12/2023 do Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa thực hiện (bút lục 82) thì trên đất tranh chấp có 65 cây keo lá tràm loại 10 năm tuổi, nghĩa là tại thời điểm bà P nhận chuyển nhượng đất từ ông Hồ B trên đất tranh chấp đã có cây keo. Ngoài ra, ông Hồ B thừa nhận hàng cây xà cừ nằm dọc theo đường đất do bà Nguyễn Thị R trồng. Như vậy, đất tranh chấp không phải là đất do ông Hồ T3 khai hoang.

[5] Bà Hồ Thị D là con của ông Hồ T3 xác định đất do cha bà khai hoang giáp ranh với đất bà Nguyễn Thị R và ranh đất được xác định bởi ụ (gò) đất cao, đất của cha bà nằm ở bên đất thấp, là phía Tây ụ đất cao này; phần đất tranh chấp nằm phía Đông của ụ đất cao và thuộc phần đất của bà R khai hoang, sau này, bà R chuyển nhượng cho bà L.

[6] Lời khai của bà R, bà L và bà D phù hợp với lời khai của những người làm chứng là ông Nguyễn Nhân T1, Trần Kim A1, Phạm Văn L4, Võ D1 và phù hợp với xác nhận của UBND xã N về nguồn gốc và quá trình sử dụng phần đất tranh chấp là của bà Nguyễn Thị R, sau này bà R chuyển nhượng cho bà Lê Thị L.

[7] Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị P là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật. Kháng cáo của bà Bùi Thị P không được chấp nhận.

[8] Bà Bùi Thị P là người cao tuổi, có đơn yêu cầu miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà.

[9] Bà Bùi Thị P phải chịu 1.000.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện theo yêu cầu của bà, bà đã đóng đủ số tiền này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 170 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị P; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị P về việc buộc bị đơn bà Lê Thị L trả lại 9.422m² đất thuộc thửa đất số 2, tờ bản đồ 25 (tờ số 1 bản đồ Lâm nghiệp) tại thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án).

2. Án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho bà Bùi Thị P.

3. Chi phí tố tụng: Bà Bùi Thị P phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng và đã nộp đủ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Các đương sự; **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;

- TAND thị xã Ninh Hòa;

- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;

- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

Lê Thị Hiền